

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO**

Số: 4415/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Lão, ngày 05 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách thường xuyên
cho các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở và liên cấp năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Quyết định số 7268/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện An Lão về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các phòng, ban, ngành, các xã, thị trấn và các đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 792/ QĐ-UBND ngày 14/02/2025, Quyết định số 2372/ QĐ-UBND ngày 09/4/2025 của UBND huyện An Lão phân bổ số người làm việc, hợp đồng lao động trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và sự nghiệp giáo dục và đào tạo, Hội Chữ thập đỏ năm 2025;

Căn cứ Công văn số: 18/HĐND-KTXH ngày 05/6/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện về việc thống nhất bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025 đối với các trường Mầm non, Tiểu học, THCS và trường liên cấp thuộc huyện;

Theo đề nghị của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Báo cáo số: 311/BC - TCKH ngày 23/5/2025 về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2025 cho các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở và liên cấp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán chi ngân sách thường xuyên năm 2025 cho các trường Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở, trường liên cấp trên địa bàn huyện với tổng số tiền là: **22.594.000.000 đồng.**

(Hai mươi hai tỷ, năm trăm chín mươi tư triệu đồng chẵn)

Trong đó:

Khối Mầm non: 3.288.000.000 đồng; Khối Tiểu học: 5.676.000.000 đồng;
Khối THCS: 9.442.000.000 đồng, Trường liên cấp: 4.188.000.000 đồng.

Bảng nguồn sự nghiệp giáo dục trong Dự toán ngân sách năm 2025.

Có phụ lục chi tiết kèm theo quyết định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Phòng Tài chính- Kế hoạch hướng dẫn, giám sát các đơn vị thực hiện.
- Hiệu trưởng các trường Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non, liên cấp chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được cấp theo đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành.

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo; Nội vụ; Hiệu trưởng các trường: Trung học cơ sở, Tiểu học, Mầm non, liên cấp; Trưởng phòng Giao dịch số 4 - Kho bạc Nhà nước Khu vực III và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thị Thế Vinh

BIỂU SỐ: 48

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

ĐƠN VỊ: TRUNG HỌC CƠ SỞ MỸ ĐỨC

MÃ SỐ ĐƠN VỊ SDNS: 1016407

(Kèm theo Quyết định số: 4415 / QĐ-UBND ngày 05/6/ 2025 của UBND huyện An Lão)

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Dự toán chi ngân sách NN(622-073)	1.283.000.000	
1. Kinh phí tự chủ	1.283.000.000	
Chi lương + Các khoản theo lương	1.258.000.000	
Chi quản lý hành chính, nghiệp vụ chuyên môn	25.000.000	



Được số 2 Ban hành kèm theo Thông tư 90/2017/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị thực hiện THCS Mỹ Đức
Chương trình THCS Mỹ Đức

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 06/QĐ- THCS ngày 13 tháng 01 năm 2025 của trường THCS Mỹ Đức)

SỐ TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO
I	Tổng số thu chi nộp ngân sách phí, lệ phí	1,283,000,000
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1,283,000,000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1,283,000,000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	